TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-03-2019
V/v Ly hôn giữa ông N và bà L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tư Sanh
2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 *tham gia phiên toà:*
Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Quận 5 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/HNST ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Đức N** – sinh năm 1985 (có mặt)
Thường trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thái L** – sinh năm 1985 (vắng mặt)
Thường trú: 835/18T đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2018, bản tự khai ngày 17/01/2019 nguyên đơn là ông Lê Đức N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức N và bà Nguyễn Thái L tự nguyện chung sống và kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 05/5/2008 tại Uỷ ban nhân dân Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống ông và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Cả hai ly thân được 4 năm. Do đó, ông xin ly hôn với bà L.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Nhựt M (nam), sinh ngày 16/10/2009. ông N đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông N tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự: Không có, nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thái L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bà L vẫn không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận P phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa hôm nay, thẩm phán, hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Án phí hôn nhân sơ thẩm do nguyên đơn chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và xét yêu cầu của nguyên đơn được trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc: "Ly hôn". Do bị đơn cư ngụ tại Quận 5 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng của Tòa án:

Xét thấy, bị đơn bà Nguyễn Thái L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà L vẫn vắng mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thái L.

[3] Về yêu cầu đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 05/5/2008 tại Uỷ ban nhân dân Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Đức N và bà Nguyễn Thái L là tự nguyện, tiến bộ và hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông Lê Đức N, trong quá trình chung sống ông và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Cả hai ly thân được 4 năm. Nhận thấy, mâu thuẫn của hai vợ chồng đã kéo dài, không thể hàn gắn, tình trạng hôn nhân đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thái L để ổn định cuộc sống.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thái L đến Tòa để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng bà L vẫn không đến, chứng tỏ bà L không có thiện chí cùng ông N xây dựng gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa ông N và bà L là có thật, một trong hai bên đã không tha thiết vun đắp cuộc sống chung là tôn trọng, bình đẳng, hạnh phúc làm cho hôn nhân

giữa họ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Lê Đức N được ly hôn với bà Nguyễn Thái L.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ vào giấy khai sinh số 255 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2009. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định trẻ Lê Nhựt M (nam), sinh ngày 16/10/2009 là con chung của ông Lê Đức N và bà Nguyễn Thái L.

Xét thấy: ông N đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Thái L trực tiếp nuôi dưỡng. Tham khảo ý kiến của trẻ Lê Nhựt M tại Tờ tự khai ngày 28/01/2019 của trẻ khai muốn được sống với mẹ nên việc giao con chung cho bà Nguyễn Thái L trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về vật chất và tinh thần cho trẻ, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Đức N cấp dưỡng cho con chung một tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt dầu từ ngày 10/4/2019. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Lê Đức N khai hai bên không có tài sản chung cũng như không thiếu nợ chung của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thái L không có mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này hai bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Ông Lê Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ông Lê Đức N còn phải chịu án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thái L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức N:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức N được ly hôn với bà Nguyễn Thái L.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Nhựt M (nam), sinh ngày 16/10/2009 cho bà Nguyễn Thái L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Đức N cấp dưỡng cho con chung một tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt dầu từ ngày 10/4/2019 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Nếu ngày giao nhận trùng vào ngày lễ hoặc ngày nghỉ thì sẽ được thực hiện vào ngày tiếp theo ngay sau đó.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Lê Đức N khai hai bên không có tài sản chung cũng như không thiếu nợ chung của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thái L không có mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này hai bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

3. Về án phí: Ông Lê Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AG/2014/0006816 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Đức N còn phải chịu án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Ông Lê Đức N có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thái L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 5;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Vân